Mẫu VAQ06-02

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Số (N^0): 0396/VAQ06 - 04/21 - 00

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG KIỂU LOẠI

DÙNG CHO LINH KIỆN (HỆ THỐNG, ĐỘNG CƠ, KHUNG, CỤM CHI TIẾT, CHI TIẾT) CỦA XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR SYSTEMS/COMPONENTS

Cấp theo Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ Hồ sơ đăng ký số: 0582/21/CH Ngày: 23.12.2021
Pursuant to the Technical document N° *Date*

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 36 : 2010/BGTVT
Regulation applied

Căn cứ Báo cáo kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng số: 43015/01/13/21/01 Ngày: 27.10.2021
Pursuant to the results of C.O.P examination report N° *Date*

Căn cứ Báo cáo kết quả thử nghiệm số: 2152/BCTN-PX/21 Ngày: 22.11.2021
Pursuant to the results of Testing record N° *Date*

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

General Director of Vietnam Register hereby approves that

Kiểu loại sản phẩm: **Lốp hơi xe mô tô, xe gắn máy**
(System/ Component type)

Nhãn hiệu: **DPLUS**
(Make)

Số loại: **100/80-16 50P D356 TL**
(Type)

Ký hiệu thiết kế/ký hiệu sản phẩm: **100/80-16 D356 TL**
(Design code/component code)

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: **Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng**
(Name and address of manufacturer) Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng

Tên, địa chỉ xưởng sản xuất, lắp ráp: **Địa điểm kinh doanh số 1 - Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng**
(Name and address of assembly plant) Lô H đường số 7 KCN Liên Chiểu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Kiểu loại sản phẩm nói trên phù hợp với QCVN 36 : 2010/BGTVT
The product is in compliance with the QCVN 36 : 2010/BGTVT

Ghi chú:
- Hàng năm, Giấy chứng nhận này được xem xét đánh giá (Annually this Certificate will be evaluated).

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 (Date)
CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
Vietnam Register
General Director

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Tô An

VILAS 972

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
LỐP HƠI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY
TEST REPORT PNEUMATIC TYRES OF MOTORCYLES AND MOPEDS

Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lốp hơi xe mô tô, xe gắn máy
According to National Technical Regulation on Pneumatic tyres of motorcyles and mopeds

QCVN 36:2010/BGTVT

Tên sản phẩm *Component name*	:	*Lốp hơi xe mô tô, xe gắn máy* *Pneumatic tyres of motorcycles and mopeds*
Ký hiệu thiết kế *Design code*	:	*100/80-16 D356 TL*
Cơ sở đăng ký thử nghiệm *Name of client*	:	*Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng*

Mục lục
Structure of the Test Report

1 Thông tin chung/ *General information*
2 Sản phẩm thử nghiệm/ *Test product*
3 Kết quả thử nghiệm/ *Test result*
4 Chú ý/ *Remark*
5 Đánh giá kỹ thuật/ *Assesment*

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
Số / *No.* 2152 /BCTN-PX/21

1. Thông tin chung/ *General Information*

1.1. Cơ sở đăng ký thử nghiệm / *Name of client*: *Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng*

1.2. Địa chỉ / *Address of client*: *Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng, Việt Nam*

1.4. Căn cứ để thử nghiệm/ *Basis for test*

- *Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*
- *Văn bản đề nghị thử nghiệm số 0408/DRC-KS ngày 12/08/2021 của Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng*

1.5. Ngày giao đủ hồ sơ và mẫu thử/ *Date of full delivery of document & sample*: *10/11/2021*

2. Sản phẩm thử nghiệm/ *Test product*

2.1.	Loại sản phẩm / *Component type*	*Lốp hơi xe mô tô, xe gắn máy* / *Pneumatic tyres of motorcycles and mopeds*
2.2.	Nhãn hiệu / *Mark (Trademark)*	*DPLUS*
2.3.	Số loại / *Model code*	*100/80-16 50P D356 TL*
2.4.	Ký hiệu thiết kế / *Design code*	*100/80-16 D356 TL*
2.5.	Số lượng mẫu / *Sample quantity*	*04*
2.6.	Ảnh chụp mẫu thử nghiệm / *Photograph(s) of test sample*	*Phụ lục / Annex 1*
2.7.	Thông tin về sản phẩm (đăng ký bởi cơ sở ĐKTN) / *Product's information registered by client*	*Phụ lục / Annex 2*

3. Kết quả thử nghiệm/ *Test result*

3.1.	Kiểm tra kích thước / *Dimension check*	*Đạt / Pass*
3.2.	Thử nghiệm đâm xuyên / *Strength test*	*Đạt / Pass*
3.3.	Thử nghiệm độ bền / *Durability test*	*Đạt / Pass*
3.4.	Thử nghiệm tính năng tốc độ / tải trọng / *Load / speed performance test*	*Đạt / Pass*
3.5	Thử nghiệm sự biến dạng phồng của lốp do lực ly tâm / *Dynamic growth test*	*Đạt / Pass*

Scanned with CamScanner

4 Chú ý/ *Remark*

4.1. Báo cáo thử nghiệm bị tẩy xóa, sửa chữa sẽ không có giá trị./ *Erased or modified test report will be invalid.*

4.2. Kết quả trong báo cáo thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử tại thời điểm thử nghiệm. Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới không chịu trách nhiệm về các thông tin có trên mẫu thử; chất lượng và thông số kỹ thuật của mẫu thử đã trả lại cho cơ sở đăng ký thử nghiệm./ *The results in the test report are only valid for the sample at the time of testing. Vietnam Motor Vehicle Testing Center is not liable for the information on sample; quality and specifications of the sample returned to the client*

4.3. Loại phương tiện, loại sản phẩm, nhãn hiệu, tên thương mại, số loại, mã kiểu loại, mã số khung, ký hiệu thiết kế, ký hiệu sản phẩm, nguồn gốc, số khung, VIN, số động cơ của sản phẩm thử nghiệm ghi theo thông tin trên văn bản của cơ sở đề nghị/ đăng ký thử nghiệm. Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới không chịu trách nhiệm về các thông tin của cơ sở đề nghị/ đăng ký thử nghiệmtrong hồ sơ thử nghiệm và các vấn đề liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệm, sở hữu trí tuệ, các loại thuế (thuế xuất khẩu, nhập khẩu ...), giá trị thương mại đối với sản phẩm đăng ký thử nghiệm. / *Vehicle type, component type, mark, trade mark, comercial name, model code, VIN code, design code, component code, origin, chasis No., VIN, engine No. are in accordance with the client's registration document. Vietnam Motor Vehicle Testing Center is not liable for the information registed by the client in the test record and matters related to origin, tradamark, industrial design, intellectual property, taxes (export tax, import tax ...), commercial value of the registered product*

5 Đánh giá kỹ thuật/ *Technical assesment*

Lốp hơi mẫu nêu trên được thử nghiệm và thỏa mãn yêu cầu QCVN 36:2010/BGTVT đối với các hạng mục nêu tại mục 3 của báo cáo.

The above pneumatic tyre samples were tested and satisfied regulation QCVN 36:2010/BGTVT for the items mentioned in item 3 of the report.

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2021 *Date*

TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM XE CƠ GIỚI
VIETNAM MOTOR VEHICLE TESTING CENTER

GIÁM ĐỐC / *DIRECTOR*
Phạm Minh Thành

Soát xét/ *Checker* Trần Bách Khải

Đăng kiểm viên/ *Surveyor* Lê Đình Nam

Scanned with CamScanner

ẢNH CHỤP MẪU THỬ NGHIỆM
PHOTOGRAPHS OF TEST SAMPLE

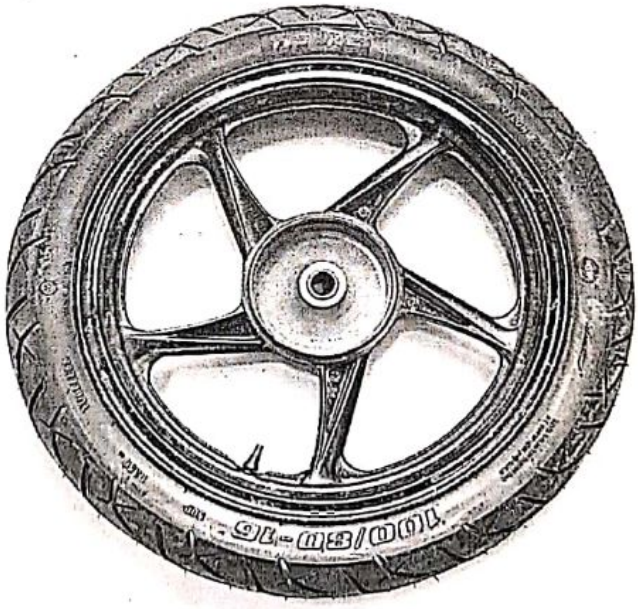

Scanned with CamScanner

ẢNH CHỤP CÁC KÝ HIỆU TRÊN MẪU THỬ
PHOTOGRAPHS OF SYMBOLS ON TEST TYRES

Hình 1: Nhãn hiệu

Hình 2: Ký hiệu kích cỡ lốp

Hình 3: Chỉ số khả năng chịu tải và cấp tốc độ

Hình 4: Mẫu vân lốp

Hình 5: Lốp là loại có/không sử dụng săm

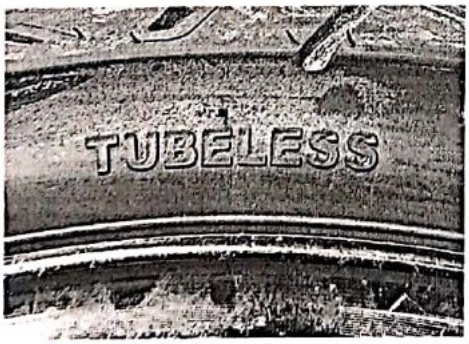

Hình 6: Loại vành thử

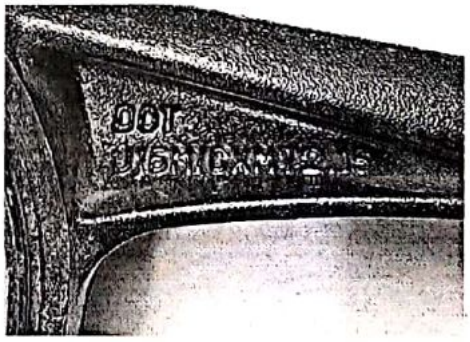

Scanned with CamScanner

THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM (đăng ký bởi cơ sở ĐKTN)
Product's information registered by client

1.	Ký hiệu kích cỡ lốp / *Tyre-size designation*	*100/80-16*
2.	Cấu trúc lốp / *Structure*	*Lớp mành chéo*
3.	Vành sử dụng để lắp lốp / *Tyre fitting rim*	*16X2.50, 16X2.50, 16X2.75*
4.	Chỉ số khả năng chịu tải / *Load-capacity index*	*50 (tải trọng tương ứng lớn nhất 190 kg)*
5.	Cấp tốc độ / *Speed category symbol*	*P (tốc độ tương ứng 150 km/h)*
6.	Loại lốp có/không sử dụng săm / *Tube type/Tubeless*	*Lốp không sử dụng săm*
7.	Loại sử dụng / *Category of use*	*Thông thường*
8.	Áp suất hơi tương ứng với tải lớn nhất (kPa) *Inflation pressure*	*230*
9.	Loại lốp / *Reinforced/Standard*	*Tiêu chuẩn*
10.	Cơ sở/ Nhà máy sản xuất *Name of manufacturer/ Plant*	*Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng*
11.	Địa chỉ *Address*	*Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng, Việt Nam*
12.	Cơ sở nhập khẩu *Name of importer*	/
14.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu *Declaration of imported goods*	/

Scanned with CamScanner